

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DSST
Ngày: 21-4-2022
*V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận;**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh,** Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 3041/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2021; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-DS, ngày 05-4-2022; giữa:

Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Ch Đ,** sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Thạch Thị N R,** sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt không lý do).

Chị **Thạch Thị M,** sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thạch Thị Ch Đ trình bày:

Vào ngày 10/01/2020 DL, chị **Thạch Thị N R** và chị **Thạch Thị M** có tổ chức khai rất nhiều dây (02 người hùn tổ chức mỗi người 50%), chị tham gia 18 phần ở 18 dây, trong đó có dây số 03,08,09,15 chị bỏ thăm hốt hui xong và đóng đến lần khai thứ 09, đối với 04 dây hui chết này chị không yêu cầu giải quyết chung cùng vụ kiện này, chị sẽ giải quyết sau với chị **N R** và chị **M**. Còn lại 14 dây hui sống số 01,02,04,05,06,07,10,11,12,13,14,16,17,18, hình thức tham gia

góp hụi được thỏa thuận như sau, loại hụi 1.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên cho chị, mỗi dây có 18 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 300.000 đồng/lần hốt; nửa tháng khai 01 lần; tất cả các 14 dây hụi trên chị đã đóng hụi sống đến lần khai thứ 9, từ lần khai thứ 10 thì chị M và chị N R úp hụi đến nay cụ thể từng dây hụi như sau: Dây hụi số 01: Chị đóng hụi sống bằng 4.030.000 đồng; Dây hụi số 02: Chị đóng hụi sống bằng 3.860.000 đồng; Dây hụi số 04: Chị đóng hụi sống bằng 3.710.000 đồng; Dây hụi số 05: Chị đóng hụi sống bằng 3.630.000 đồng; Dây hụi số 06: Chị đóng hụi sống bằng 3.640.000 đồng; Dây hụi số 07: Chị đóng hụi sống bằng 3.200.000 đồng; Dây hụi số 10: Chị đóng hụi sống bằng 3.560.000 đồng; Dây hụi số 11: Chị đóng hụi sống bằng 3.630.000 đồng; Dây hụi số 12: Chị đóng hụi sống bằng 3.640.000 đồng; Dây hụi số 13: Chị đóng hụi sống bằng 3.650.000 đồng; Dây hụi số 14: Chị đóng hụi sống bằng 3.640.000 đồng; Dây hụi số 16: Chị đóng hụi sống bằng 3.230.000 đồng; Dây hụi số 17: Chị đóng hụi sống bằng 3.610.000 đồng; Dây hụi số 18: Chị đóng hụi sống bằng 3.600.000 đồng. Tổng cộng bằng 50.630.000 đồng.

Nay chị Thạch Thị Ch Đ yêu cầu chị Thạch Thị N R và chị Thạch Thị M cùng có trách nhiệm trả tiền hụi sống tổng cộng bằng 50.630.000 đồng (Loại hụi 1.000.000 đồng, mở cùng ngày 10/01/2020 DL, dây hụi số 01,02,04,05,06,07,10,11,12,13,14,16,17,18), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng có gồm: 18 danh sách hụi viên (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Ch Đ và 01 Sổ hộ khẩu tên Đ (photo).

Đối với bị đơn chị Rinh: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Thạch Thị M và chị Thạch Thị N R đều vắng mặt, sau đó Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Thạch Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt đồng ý trả cho chị Ch Đ tiền hụi sống bằng 25.315.000 đồng, phần còn lại là của chị N R, đối với chị Thạch Thị N R không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị Thạch Thị N R được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ch Đ.

Buộc chị Thạch Thị M và chị Thạch Thị N R cùng có trách nhiệm trả cho chị Thạch Thị Ch Đ tiền hui sống bằng 50.630.000 đồng (Loại hui 1.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2020 DL, đây hui số 01,02,04,05,06,07,10,11,12,13,14,16,17,18). Chị Thạch Thị Ch Đ không yêu cầu tính lãi.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui”. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Thạch Thị Ch Đ và chị Thạch Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bị đơn chị Thạch Thị N R trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án chị Thạch Thị N R đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Thạch Thị N R vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thạch Thị N R.

[2] *Về nội dung*: Ngày 30-9-2021 Tòa án ra quyết định nhập 15 vụ án thụ lý số 3028 đến số 3041 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” thành 01 vụ án thụ lý số: 3041/2021/TLST-DS, ngày 26-3-2021.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Chị Thạch Thị Ch Đ yêu cầu chị Thạch Thị M và chị Thạch Thị N R trả tiền hui sống đã đóng bằng 50.630.000 đồng (Loại hui 1.000.000 đồng, mở cùng ngày 10/01/2020 DL, đây hui số 01,02,04,05,06,07,10,11,12,13,14,16,17,18), chị Ch Đ không yêu cầu tính lãi.

[4] Đối với chị Thạch Thị M mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Ch Đ, nhưng chị có đơn xin giải quyết vắng mặt nội dung đơn chị đồng ý trả cho chị Ch Đ tiền hui sống bằng 25.315.000 đồng, phần còn lại là của chị N R, nên được chấp nhận.

[5] Đối với chị N R mặc dù không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện với chị Ch Đ và chị M, nhưng Tòa án có sao gửi các chứng cứ mà Ch Đ đã nộp gồm: đơn khởi kiện, danh sách hui viên thể hiện chị và chị M là chủ hui ở các dây hui trên và chứng cứ khác để chị có ý kiến hoặc phản hồi về những chứng cứ mà chị Ch Đ nộp khởi kiện chị, do chị N R không có ý kiến về nội dung chị Ch Đ khởi kiện và ý kiến của chị M, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ có trong hồ sơ để làm giải quyết vụ án.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do chị Ch Đ không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn chị Thạch Thị M và chị Thạch Thị N R phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Thạch Thị Ch Đ không phải chịu án phí.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phurong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ch Đ.

2. Buộc chị Thạch Thị M và chị Thạch Thị N R cùng có trách nhiệm trả cho chị Thạch Thị Ch Đ tiền hui sống bằng 50.630.000 đồng (Loại hui 1.000.000 đồng, mở cùng ngày 10/01/2020 DL, dây hui số 01, 02,04,05,07,10,11,12,13,14,16,17,18); Chị Thạch Thị Ch Đ không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. **Về án phí**: Buộc bị đơn chị Thạch Thị M và chị Thạch Thị N R phải chịu 2.531.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Thạch Thị Ch Đ không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002157; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002156; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002158; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002159; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002160; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002161; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002162; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002163; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002164; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002165; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002166; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002167; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002168; Số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002169; cùng ngày 26-3-2021 tại

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiều Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho chị Thạch Thị Ch Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiều Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiều Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm